

Bản án số: 11/2022/DS-PT

Ngày: 05 -01 - 2022

V/v: “Tranh chấp chia tài sản chung
và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông,

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường,

Ông Nguyễn Tấn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhật, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thế Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2020/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp chia tài sản chung và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 782/2022/QĐ-PT ngày 14/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Đặng Ngọc P; địa chỉ: 91 Đ, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Ông Ngô Đức N; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bà Đặng Thị H; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông Đặng Ngọc L, địa chỉ tổ 11, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Đặng Ngọc P, địa chỉ: 91 Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; ông Đặng Ngọc S, địa chỉ: Tô 8, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai; ông Đặng Ngọc T, địa chỉ: Tô 8, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ủy quyền cho ông Đặng Ngọc L, địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia tố tụng. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị Kim L, địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Mai H – Luật sư Văn phòng luật sư M – Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Đặng Thị Hạ T, chị Đặng Ngọc Hoàng T, anh Đặng Ngọc Thế T; cùng địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ủy quyền cho bà Trương Thị Kim L; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia tố tụng. Vắng mặt.

- Ông Đặng Ngọc T, địa chỉ: USA. Ủy quyền cho bà Đặng Thị H, địa chỉ: phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia tố tụng. Có mặt.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Đặng Thị Y; địa chỉ: 91 Đ, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai ủy quyền cho ông Ngô Đức N; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

4. *Người kháng cáo, kháng nghị:*

- Viện trưởng Viện kiểm nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Nguyên đơn ông Đặng Ngọc P, bà Đặng Thị H.

- Bị đơn bà Trương Thị Kim L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Ngọc P và đại diện theo ủy quyền của ông P là ông Ngô Đức N trình bày:

Cha ông là cụ Đặng Ngọc C (sinh năm 1913) và mẹ là cụ Trần Thị Đ (sinh năm 1915) có 6 người con chung đó là: Đặng Ngọc P; Đặng Ngọc T (chết năm 2018); Đặng Thị H và Đặng Thị Y, Đặng Ngọc P (chết 1981) và ông Đặng Ngọc T.

Vào năm 1968, cha mẹ ông có khai phá tạo dựng được tài sản chung là lô đất tại số 30 N, thành phố P (Hiện nay là số 26 N, phường T, thành phố P). Sau đó cha mẹ ông đã xây dựng căn nhà trên thửa đất này và sinh sống. Đến năm 1975, cụ C chết không để lại di chúc. Năm 2007 cụ Đ chết không để lại di chúc.

Năm 1995, cụ Đ làm thủ tục và được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận sở hữu nhà, quyền sử dụng đất số 358/CN-UB ngày 14/12/1995 diện tích đất sử dụng 129 m²; nhà 87,72 m² (nhà chính 60,63 m²; nhà phụ 27.09m²); đất sân 41,28 m².

Ông Đặng Ngọc T giữ giấy tờ và đã tự ý làm thủ tục đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy CNQSD đất số CA 987504 ngày 28/10/2015 sang tên Đặng Ngọc T là không đúng quy định pháp luật.

Hiện nay, căn nhà cũ do cha mẹ xây dựng xuống cấp bị ông T phá bỏ để xây nhà mới. Ông xác định tài sản là diện tích đất tại số 26 N thuộc Giấy CNQSD đất số CA 987504 ngày 28/10/2015 đứng tên ông Đặng Ngọc T là tài sản chung của anh em do cha mẹ chết để lại.

Ông yêu cầu Tòa án hủy Giấy CNQSD đất số CA 987504 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 28/10/2015 đứng tên ông Đặng Ngọc T và phân chia giá trị quyền sử dụng đất cho những người được hưởng theo quy định pháp luật. Ông tạm tính tổng giá trị tài sản là 2.000.000.000đ, phần ông được chia là **500.000.000** đồng.

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày:

Bà cũng là một trong những người con của cụ C và cụ Đ, bà cũng có yêu cầu tương tự như ông Đặng Ngọc P. Đề nghị phân chia tài sản của cha mẹ bà để lại là giá trị diện tích đất nêu trên cho những người được hưởng theo quy định pháp luật. Bà tạm tính phần giá trị tài sản bà được chia là **500.000.000** đồng.

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai nguyên đơn ông Đặng Ngọc P, Đặng Ngọc L, Đặng Ngọc T, Đặng Ngọc S trình bày:

Chúng tôi là con ruột của ông Đặng Ngọc P (chết năm 1981). Ông P là con ruột của cụ C và cụ Đ. Chúng tôi là người thừa kế thế vị của ông P đối với tài sản là thửa đất nêu trên do cụ C và cụ Đ chết để lại.

Chúng tôi đề nghị Tòa án hủy Giấy CNQSD đất số CA 987504 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 28/10/2015 đứng tên ông Đặng Ngọc T và phân chia tài sản chung là giá trị thửa đất nêu trên cho 4 anh em chúng tôi được hưởng chung một suất thừa kế tạm tính khoảng 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Tại bản tự khai và các biên bản lấy lời khai bị đơn bà Trương Thị Kim L trình bày:

Từ năm 1979 – 1987 bà công tác tại Bệnh viện Kon Tum. Từ năm 1988 đến nay tôi chuyển công tác về Gia Lai và ở trong căn nhà nêu trên. Thời điểm đó ông P đã có vợ và ở nhà riêng tại 91 Đ, phường D, TP.P, tỉnh Gia Lai; bà Y đã có chồng ở phường B, TP. P; bà H có chồng ở tại phường T, TP. P. Đến năm

2000 vợ chồng cô Y sống không hạnh phúc chia tay, và dẫn 2 con gái về ở nhà vợ chồng tôi.

Mẹ chồng bà là cụ Trần Thị Đ đã già yếu nên ngày 21/01/2003 có lập Biên bản họp gia đình giao căn nhà trên cho chồng tôi là ông Nguyễn Ngọc T đứng tên. Nội dung họp là: Cụ Trần Thị Đ là chủ sở hữu căn nhà nêu trên, giao lại toàn quyền thừa kế, sử dụng ngôi nhà cho chồng tôi Đặng Ngọc T, bà Đặng Thị Y ở cùng nhà đồng ý ký tên, không tranh chấp có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn Tư là tổ trưởng tổ dân phố và chứng nhận của UBND phường T, TP. P.

Vào ngày 16/3/2006 gia đình có họp lần thứ 2, gồm có: Cụ Đ và các con là ông Đặng Ngọc P, Đặng Ngọc T, bà Đặng Thị H, bà Đặng Thị Y. Có con rể là ông Nguyễn Đình Vinh (chồng bà H) làm thư ký ghi biên bản. Nội dung họp là: Cụ Trần Thị Đ là chủ sở hữu căn nhà nêu trên và tất cả các thành viên trong gia đình nói trên đồng ý thống nhất giao quyền thừa kế căn nhà cho chồng tôi là ông Đặng Ngọc T sở hữu và được quyền sử dụng và giao cho chồng tôi Đặng Ngọc T tiến hành làm các thủ tục pháp lý để sang nhượng, thừa kế căn nhà nói trên theo quy định pháp luật và cho bà Đặng Thị Y được ở căn nhà trên suốt đời, nếu chồng tôi có bán thì cho bà Y 1 phần theo thỏa thuận của 2 anh em (ông T và bà Y); Biên bản họp gia đình được tất cả những người tham gia ký tên và có sự xác nhận của Tổ trưởng tổ dân phố Nguyễn Văn Tư.

Sau đó căn nhà và đất nói trên được cụ Đ đã làm Hợp đồng tặng cho ông Đặng Ngọc T. Ông T được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố P, do ông Nguyễn Cẩm ký chứng thực ngày 05/7/2006. Vợ, chồng bà và các con, cùng bà Đặng Thị Y đều sống chung tại căn nhà nói trên đến ngày 22/10/2015 chồng bà đi xin cấp đổi Giấy chứng nhận mới và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy CNQSD đất số CA 987504 ngày 28/10/2015 đứng tên ông Đặng Ngọc T. Vì nhà cũ đã mục nát, không còn sử dụng được nữa nên gia đình bà xin Giấy phép xây dựng căn nhà mới trên đất giá trị gần 2.000.000đ (Hai tỷ đồng), bà Đặng Thị Y không có đóng góp và vẫn sống và sinh hoạt chung bình thường tại căn nhà mới. Không hiểu lý do gì và bị ai xúi dục, kích động mà anh, em chồng bà lại đi khởi kiện chia tài sản chung.

Vì vậy, thửa đất và căn nhà nêu trên là thuộc quyền sở hữu của chồng tôi là ông Đặng Ngọc T, nay chồng tôi mất, theo quy định của pháp luật thì tài sản này thuộc thừa kế của (vợ) bà Trương Thị Kim L và các con là Đặng Thị Ngọc T, Đặng Ngọc Hoàng T, Đặng Ngọc Thê T. Nếu sau này bà và các con có bán nhà thì bà và các con sẽ thay mặt chồng bà chia 1 phần tài sản cho bà Y theo thỏa thuận tại Biên bản họp gia đình ngày 21/01/2003 và ngày 16/3/2006.

Bà Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đặng T Thomas, và người đại diện theo ủy quyền là bà Đặng Thị H trình bày: Ông Đặng T Thomas là một trong những người con của cụ C và cụ Đ. Thửa đất thửa đất tại số 26 N, P. T, TP. P, tỉnh Gia Lai là tài sản chung của anh em ông do cha mẹ chết để lại. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy CNQSD đất số CA 987504 ngày 28/10/2015 mang tên ông Đặng Ngọc T là không đúng. Ông đề nghị Tòa án hủy giấy CNQSD đất do ông T đứng tên và chia tài sản chung theo quy định.

Ông tạm tính phần giá trị tài sản ông được phân chia là 400.000.000đ

- Bà Đặng Thị Y và người đại diện theo ủy quyền của bà Y trình bày:

Cha mẹ tôi là cụ C và cụ Đ. Cụ C và cụ Đ có gây dựng tài sản chung là thửa đất tại 26 N, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Cụ C chết năm 1975 và cụ Đ chết năm 2017 không để lại di chúc.

Cha mẹ tôi có 4 người con chung Đặng Ngọc P, Đặng Ngọc T, Đặng Thị H và Đặng Thị Y.

Ngày 16/3/2006 mẹ bà là cụ Trần Thị Đ cùng các con là ông Đặng Ngọc P, Đặng Ngọc T, bà Đặng Thị H, bà Đặng Thị Y họp gia đình lập biên bản với nội dung: Cụ Trần Thị Đ là chủ sở hữu căn nhà số 26 N, phường T, TP. P, tỉnh Gia Lai giao quyền thừa kế căn nhà số 26 N cho ông Đặng Ngọc T và cho bà được ở căn nhà trên suốt đời, nếu sau này bán căn nhà thì cho bà 1 phần theo thỏa thuận của bà và ông T.

Ngày 28/10/2015 thửa đất trên đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp giấy CNQSD đất số CA987504 đứng tên ông Đặng Ngọc T. Năm 2018 ông T đã chết. Qua nhiều lần họp gia đình bà L nhất quyết không đưa tiền để tôi tạo lập chỗ ở mới. Để đảm bảo quyền lợi cho Bà, nay Bà đề nghị Tòa án hủy Giấy CNQSD thửa đất tại số 26 N nêu trên đứng tên ông T và chia giá trị tài sản thửa đất cho tôi. Tôi tạm tính giá trị nhà đất là 2.000.000.000đ. Tôi tạm tính tôi được hưởng 1/4 tài sản là 500.000.000 đồng (BL05).

- *Chị Đặng Thị Hạ T, chị Đặng Ngọc Hoàng T, anh Đặng Ngọc Thế T và người đại diện trình bày:* Chị Đặng Thị Hạ T, chị Đặng Ngọc Hoàng T, anh Đặng Ngọc Thế T là con của ông Đặng Ngọc T và bà Trương Thị Kim L. Các anh chị thống nhất như ý kiến trình bày của bị đơn bà Trương Thị Kim L. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

- *Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai trình bày:* Căn nhà số 26 (số cũ là 30) N, phường T, TP. P, tỉnh Gia Lai do UBND tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận số 358CN/UB cấp ngày 14/12/1995 đứng tên bà Trần Thị Đ. Ngày 26/4/2006, bà Trần Thị Đ chuyển nhượng toàn bộ diện tích trên Giấy chứng nhận nêu trên cho ông Đặng Ngọc T theo Hợp đồng chuyển nhượng được UBND phường T chứng thực ngày 26/4/2006. Sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính, ngày 05/7/2006, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố P đã chỉnh lý biến động trong Giấy chứng nhận số 358CN/UB và trao cho người nhận quyền nhượng là ông Đặng Ngọc T sử dụng. Sau đó, ông Đặng Ngọc T lập thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận và được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận số CA987504 ngày 22/10/2015 đứng tên ông Đặng Ngọc T theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Nay các bên tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

Căn cứ khoản 11 Điều 26; Điều 34; Điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 40; Điều 147, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 105; Điều 106; Điều 166; 167 của Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng các Điều 215, 216, 224, 676, 677, 684, 685 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 208, 219, 659, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Ngọc P và bà Đặng Thị H về yêu cầu chia tài sản chung với giá trị của mỗi người là 420.357.143đ (Bốn trăm hai mươi triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi ba đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Y, ông Đặng Ngọc T, anh Đặng Ngọc P, anh Đặng Ngọc T, anh Đặng Ngọc S và anh Đặng Ngọc L:

Xác định thửa số 76, tờ bản đồ số 75, diện tích 117.7m² tại địa chỉ 26 N, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai thuộc Giấy CNQSD đất số CA987504 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 28/10/2015 đứng tên ông Đặng Ngọc T, hiện bà Trương Thị Kim L và (các con) chị Đặng Thị Hạ T, chị Đặng Ngọc Hoàng T, anh Đặng Ngọc Thế T đang sử dụng là tài sản do cụ Đặng Ngọc C và cụ Trần Thị Đ sau khi chết để lại có giá trị là 5.885.000.000đ là tài sản chung của (những người thừa kế theo pháp luật và theo di chúc gồm: ông Đặng Ngọc T (chết năm 2018), bà Đặng Thị Y, ông Đặng Ngọc P (chết 1981) và ông Đặng Ngọc T.

+ Chia cho bị đơn là bà Trương Thị Kim L và chị Đặng Thị Hạ T, chị Đặng Ngọc Hoàng T, anh Đặng Ngọc Thế T (là người thừa kế của ông Đặng Ngọc T) được hưởng là 4.063.452.382đ.

Giao cho bà L và chị T, chị T, anh T tiếp tục sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất.

+ Bà Trương Thị Kim L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chị Đặng Thị Hạ T, chị Đặng Ngọc Hoàng T, anh Đặng Ngọc Thế T có nghĩa vụ liên đới thanh toán giá trị kỷ phần cho những người được hưởng cụ thể là:

+ Bà Đặng Thị Y 980.833.333 đồng (Chín trăm tám mươi triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

+ Ông Đặng Ngọc T 420.357.143 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi ba đồng)

+ Anh Đặng Ngọc L, Đặng Ngọc P, Đặng Ngọc S, Đặng Ngọc T 420.357.143 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi ba đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Đặng Ngọc P, anh Đặng Ngọc T, anh Đặng Ngọc S, anh Đặng Ngọc L và yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Y về việc đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 987504 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 28/10/2015 đứng tên ông Đặng Ngọc T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành án.

Ngày 15/9/2020, nguyên đơn ông Đặng Ngọc P, bà Đặng Thị H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 21/9/2020, bị đơn bà Trương Thị Kim L kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Đặng Ngọc L, Đặng Ngọc P, Đặng Ngọc T, Đặng

Ngọc S và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Ngọc T, bà Đặng Thị Y; Loại trừ nghĩa vụ đóng án phí của bị đơn đối với phần tài sản mà bà Trần Thị Đ đã tặng cho ông Đặng Ngọc T.

Ngày 07/10/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị số 25/KNPT-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 08/9/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai về phần ông Đặng Ngọc P, bà Đặng Thị H bị Toà án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Nguyên đơn ông Đặng Ngọc P, bà Đặng Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khởi kiện.

Bị đơn bà Trương Thị Kim L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của ông Ngô Đức N đại diện theo uỷ quyền của ông Đặng Ngọc P, bà Đặng Thị Y và ông Đặng Ngọc T1 đang định cư ở H Kỳ:

Đối với ông Đặng Ngọc P, bà Đặng Thị Y: Trong suốt quá trình khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đều thể hiện ông P cũng như bà Đặng Thị H không có từ chối nhận và cho di sản của cụ Đặng Ngọc C để lại, chỉ ký với tư cách là người làm chứng; vì vậy Toà án cấp sơ thẩm cho rằng ông P đã ký vào Biên bản họp gia đình ngày 16/3/2006 để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là không đúng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông P, sửa bản án sơ thẩm; đối với bà Y giữ nguyên phần quyết định; bác kháng cáo của bà Trương Thị Kim L.

Đối với tư cách là người đại diện cho ông Đặng Ngọc T1 là con đời thứ hai của cụ C đang định cư tại H Kỳ: Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật ý kiến của ông T1 là không nhận bất cứ tài sản gì thuộc di sản của Bố là cụ C để lại.

Ý kiến của bà Đặng Thị H: Trường hợp của bà cũng giống như ông P, thống nhất như ý kiến của ông N nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đời vợ sau của cụ Đặng Ngọc C gồm: Vợ là cụ Lê Thị T và 06 người con là Đặng Ngọc T, Đặng Ngọc T, Đặng Ngọc V, Đặng Thị H, Đặng Thị Túy H và Đặng

Ngọc T1 đều có ý kiến thể hiện không nhận di sản do cụ C chết để lại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo qui định pháp luật.

Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đều thể hiện ông Đặng Ngọc P và bà Đặng Thị H không có từ chối nhận di sản của cụ Đặng Ngọc C để lại. Toà án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng ông P và bà H đã ký vào Biên bản họp gia đình ngày 16/3/2006 bác yêu cầu khởi kiện của ông P và bà H là không đúng.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông P, bà H; bác kháng cáo của bà Trương Thị Kim L sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Trương Thị Kim L, chị Đặng Thị Hạ T, chị Đặng Ngọc Hoàng T, anh Đặng Ngọc Thế T và Luật sư Nguyễn Mai Hiệp vắng mặt không lý do; tuy nhiên, đây là phiên tòa đã được triệu tập họp lệ lần thứ tư, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/01/2021 Luật sư Nguyễn Mai Hiệp có Công văn số 05/CV-VPLS kiến nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét Toà án cấp sơ thẩm bỏ sót người tham gia tố tụng là vợ và 06 người con đời thứ hai của cụ Đặng Ngọc C. Đến ngày 25/01/2021, cụ Lê Thị T là vợ và 05 người con (Đặng Ngọc T, Đặng Ngọc T, Đặng Ngọc V, Đặng Thị H, Đặng Thị Túy H) đồng lập Biên bản thống nhất không nhận di sản thừa kế do cụ C để lại, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Ngày 01/02/2021 bà Đặng Thị Túy H có Đơn từ chối nhận di sản thừa kế, được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P xác nhận; ngày 03/02/2021 cụ Lê Thị T cùng 04 ông bà Đặng Ngọc T, Đặng Ngọc T, Đặng V, Đặng Thị H lập Đơn từ chối nhận di sản thừa kế, đồng thời xác định giữa bà và các con với cụ C không có tài sản chung, được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P ký xác nhận. Do còn thiếu ý kiến của ông Đặng Ngọc T1 đang định cư ở H Kỳ nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa ngày 24/3/2021 để uỷ thác tư pháp thu thập thêm tài liệu, chứng cứ. Đến ngày 24/11/2021, Hội đồng xét xử nhận được Giấy uỷ quyền của ông T1 uỷ quyền cho ông Ngô Đức N, được hợp thức hoá lãnh sự quán ngày 15/4/2021. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông N với tư cách là người đại diện cho ông Đặng Ngọc T1 trình bày và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật ý kiến của ông T1 là không nhận bất cứ tài sản gì thuộc di sản của Bố là cụ C để lại. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không nhất thiết phải huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm từ đầu cũng không gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự trong vụ án; tiếp tục giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét Quyết định kháng nghị số 25/KNPT-VKS-DS ngày 07/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Ngọc P, bà Đặng Thị H, bị đơn bà Trương Thị Kim L đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 08/9/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp số 30 (nay thửa đất số 26) N là của hai cụ Đặng Ngọc C và cụ Trần Thị Đ tạo lập. Cụ C và cụ Đ có 6 người con gồm: Đặng Ngọc P, ông Đặng Ngọc T (chết 2018), bà Đặng Thị H và bà Đặng Thị Y, ông Đặng Ngọc T và ông Đặng Ngọc P (chết năm 1981). Cụ C chết năm 1975 không để lại di chúc. Ngày 24/12/1995 cụ Trần Thị Đ được UBND tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 358 CN/UB đối với tài sản nhà đất tại 26 N. Đến ngày 21/01/2003 cụ Trần Thị Đ cùng ông T và bà Y lập Biên bản họp gia đình có nội dung: “...*Tôi Trần Thị Đ hiện đang quyền sở hữu căn nhà số 30 N, thuộc phường T, tỉnh Gia Lai. Nay tôi đã già yếu nên quyết định giao lại quyền thừa kế sử dụng ngôi nhà trên cho con trai là Đặng Ngọc T toàn quyền sử dụng*”. Đến ngày 22/01/2003 cụ Đ và ông T lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở lý do chuyển nhượng “*già yếu thừa kế quyền sử dụng đất cho con trai*”. Sau đó, ngày 16/3/2006 cụ Trần Thị Đ tiếp tục lập Biên bản họp gia đình lần 2, gồm có: Cụ Đ, ông P, ông T, bà H, bà Y và con rể chồng bà H làm Thư ký ghi biên bản với nội dung: “*Tôi là mẹ các đứa con trong gia đình và là chủ sở hữu căn nhà trên, nay tôi đã già yếu muốn di chúc lại căn nhà cho các con trong gia đình để ở và toàn quyền quyết định sở hữu căn nhà 30 N, phường T, thành phố P như sau:*

- *Nay đồng ý giao căn nhà trên cho con trai ruột tôi là Đặng Ngọc T được quyền sử dụng và là chủ sở hữu căn nhà trên.*

- *Nay đồng ý cho con gái ruột tôi là Đặng Thị Y được ở căn nhà trên suốt đời. Khi căn nhà trên con trai tôi là Đặng Ngọc T bán đi thì giải quyết một phần tài sản căn nhà cho em gái là Đặng Thị Y để tạo lập chỗ ở mới theo thỏa thuận của 2 anh em.*”

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, Toà án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng Biên bản họp gia đình ngày 21/01/2003 chỉ có cụ Đ và 02/6 người con là ông T và bà Y; Biên bản họp gia đình ngày 16/3/2006 chỉ có cụ Đ và 4/6 người con là ông P, ông T, bà H và bà Y mà không có sự tham gia, đồng ý của các đồng thừa kế khác và người thừa kế thế vị của ông P là không có cơ sở và giá trị pháp lý; đồng thời, Hợp đồng chuyển nhượng ngày 26/4/2006 lập giữa cụ Đ và ông T, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý biến động quyền sở hữu ngày 05/7/2006; ngày 28/10/2015 được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi thành Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CA 987504 thuộc thửa số 76, tờ bản đồ số 75, diện tích 117.7m² mang tên ông Đặng

Ngọc T là không đúng; nhận định như nêu trên của Toà án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng qui định pháp luật.

[6] Tuy nhiên, khi phân chia tài sản chung, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Ngọc P và bà Đặng Thị H, Toà án cấp sơ thẩm lại cho rằng: Theo Biên bản họp gia đình lần 2 đề ngày 16/3/2006 ông P, bà H chỉ tham gia ký dưới mục “*Chứng kiến của anh chị em trong gia đình*” nhưng sau khi ký Biên bản ông T làm thủ tục đứng tên Giấy CNQSD đất và làm nhà trên đất nhưng ông P, bà H cũng không có ý kiến gì, nên được coi là đã mặc nhiên đồng ý chuyển giao toàn bộ quyền hưởng thụ phần tài sản của mình do cụ C chết để lại cho ông T; từ đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, bà H về chia một phần tài sản chung của cụ C để lại. Xét thấy, trong suốt quá trình khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đều thể hiện ông P và bà H không có từ chối nhận và nhường quyền được hưởng di sản của cụ Đặng Ngọc C để lại, chỉ ký với tư cách là người làm chứng; Do đó, Toà án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng ông P, bà H đã ký vào Biên bản họp gia đình ngày 16/3/2006 để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P, bà H.

[7] Đối với kháng cáo của bà Trương Thị Kim L về phần không đồng ý phân chia tài sản chung theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn như phân tích tại mục [5] và mục [6] như nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận. Về kháng cáo án phí đối với phần phân chia di sản của cụ Đ các đương sự không yêu cầu chia nên Toà án cấp sơ thẩm buộc bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cả phần di sản của cụ Đ là không có cơ sở; vì vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà L. Đồng thời, xét Đơn xin miễn tiền án phí của bà L, bà L là người cao tuổi (đã trên 60 tuổi), theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì người cao tuổi được miễn án phí nhưng xét đây là vụ án chia tài sản chung nên bà L không được miễn tiền án phí.

[8] Như vậy, theo Biên bản thẩm định và định giá tài sản xác định: Diện tích đất tranh chấp thuộc Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CA 987504 thuộc thửa số 76, tờ bản đồ số 75, là 117.7m² mang tên ông Đặng Ngọc T, được các đương sự thống nhất giá trị để chia (*không tính giá trị nhà trên đất vì nhà do vợ chồng ông T tự xây không tranh chấp*) là **5.885.000.000đ**. Phân chia giá trị cho những người được hưởng như sau: Tài sản chung của cụ C và cụ Đ là 5.885.000.000 đồng; trong đó, cụ Đ và cụ C mỗi người $\frac{1}{2}$ ($5.885.000.000đ:2$) = 2.942.500.000 đồng. Sau khi cụ C chết để lại 2.942.500.000đ chia 7 người là cụ Đ và 6 người con là ông T, ông P, ông P, ông T, bà H và bà Y mỗi người được hưởng là **420.357.143đ**. Phần cụ Đ hưởng khi còn sống là 2.942.500.000đ + 420.357.143đ = **3.362.857.143đ**, theo Biên bản lập ngày 16/3/2016 cụ Đ đã tặng cho toàn bộ tài sản của mình ông thế và cho bà

Y một phần, không nêu rõ một phần là bao nhiêu và có tranh chấp, nên cần dựa vào đơn khởi kiện của bà Y có nội dung “*Cha mẹ tôi có 4 người con chung Đặng Ngọc P, Đặng Ngọc T, Đặng Thị hà và Đặng Thị Y... Tôi tạm tính giá trị nhà đất là 2.000.000.000đ. Tôi tạm tính tôi được hưởng 1/4 tài sản là 500.000.000 đồng*” (BL05) được hiểu một phần là 1/6 tài sản của cụ Đ và cụ C sau khi chết để lại cho 6 người con và được xác định như sau: 5.885.000.000đ: 6 người con = **980.833.333đ** (bà Y chấp nhận không kháng cáo nên không xem xét). Ông T được hưởng khi còn sống gồm: Giá trị cụ Đ để lại (*sau khi trừ 1/6 giá trị bà Y được hưởng của cụ Đ là 3.362.857.143đ : 6 = 560.476,190đ*) 2.802.380.953đ ; và 1/6 giá trị tài sản cụ C chết để lại cho 6 người con (*trừ phần cụ Đ*) là 2.522.142.857đ : 6 người = 420.357.143đ. Tổng cộng ông T được hưởng khi còn sống nay chết để lại cho bà L và các con là **3.222.738.096đ**.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Ngọc P, bà Đặng Thị H; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Trương Thị Kim L, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[8] Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần giá trị tài sản được hưởng theo qui định.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 105; Điều 106; Điều 166; 167 của Luật Đất đai năm 2013; các điều 215, 216, 224, 676, 677, 684, 685 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 208, 219, 659, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Ngọc P và bà Đặng Thị H và một

phản kháng cáo của bà Trương Thị Kim L; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 08/9/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Ngọc P, bà Đặng Thị H, và một phần yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Y, ông Đặng Ngọc T, anh Đặng Ngọc P, anh Đặng Ngọc T, anh Đặng Ngọc S, và anh Đặng Ngọc L về yêu cầu chia tài sản chung.

Xác định thửa số 76, tờ bản đồ số 75, diện tích 117.7m² tại địa chỉ 26 N, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai thuộc Giấy CNQSD đất số CA987504 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 28/10/2015 đứng tên ông Đặng Ngọc T, hiện bà Trương Thị Kim L và (các con) chị Đặng Thị Hạ T, chị Đặng Ngọc Hoàng T, anh Đặng Ngọc Thế T đang sử dụng là tài sản do cụ Đặng Ngọc C và cụ Trần Thị Đ sau khi chết để lại có giá trị là 5.885.000.000đ là tài sản chung của (những người thừa kế theo pháp luật và theo di chúc gồm: ông Đặng Ngọc T (chết năm 2018), ông Đặng Ngọc P, bà Đặng Thị H, bà Đặng Thị Y, ông Đặng Ngọc P (chết 1981) và ông Đặng Ngọc T.

- Chia cho bị đơn là bà Trương Thị Kim L và chị Đặng Thị Hạ T, chị Đặng Ngọc Hoàng T, anh Đặng Ngọc Thế T (là người thừa kế của ông Đặng Ngọc T) được hưởng là 3.222.738.096đ.

Giao cho bà L và chị T, chị T, anh T tiếp tục sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất.

Bà Trương Thị Kim L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chị Đặng Thị Hạ T, chị Đặng Ngọc Hoàng T, anh Đặng Ngọc Thế T có nghĩa vụ liên đới thanh toán giá trị kỷ phần cho những người được hưởng cụ thể là:

- Bà Đặng Thị Y 980.833.333 đồng (*Chín trăm tám mươi triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

- Ông Đặng Ngọc P 420.357.143 đồng (*Bốn trăm hai mươi triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi ba đồng*).

- Bà Đặng Thị H 420.357.143 đồng (*Bốn trăm hai mươi triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi ba đồng*).

- Ông Đặng Ngọc T 420.357.143 đồng (*Bốn trăm hai mươi triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi ba đồng*).

- Anh Đặng Ngọc L, Đặng Ngọc P, Đặng Ngọc S, Đặng Ngọc T 420.357.143 đồng (*Bốn trăm hai mươi triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi ba đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh

toán với mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 nếu các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”.

3. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: *Án phí dân sự sơ thẩm:*

- Bà Đặng Thị Y phải chịu 41.424.999 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004114 ngày 27/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bà Y, còn phải nộp thêm số tiền là 29.424.999 đồng (*Hai mươi chín triệu bốn trăm hai bốn nghìn chín trăm chín chín đồng*).

- Anh Đặng Ngọc P, anh Đặng Ngọc T, anh Đặng Ngọc S và anh Đặng Ngọc L phải liên đới chịu 20.814.285 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.000.000 đồng đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0003083, 0003082, 0003084, 0003081 ngày 23/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai; còn phải liên đới nộp thêm 10.814.285 đồng (*Mười triệu tám trăm mười bốn nghìn hai trăm tám lăm đồng*).

- Ông Đặng Ngọc T phải chịu 20.814.285 đồng (*Hai mươi triệu tám trăm mười bốn nghìn hai trăm tám lăm đồng*).

- Bà Trương Thị Kim L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chị Đặng Thị Hạ T, chị Đặng Ngọc Hoàng T, anh Đặng Ngọc Thế T phải liên đới chịu 20.814.285 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0011608 ngày 25/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai; còn phải nộp 20.514.285 đồng (*Hai mươi triệu năm trăm mười bốn nghìn hai trăm tám lăm đồng*)

- Ông Đặng Ngọc P phải chịu 20.814.285 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004166 ngày 12/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0011603 ngày 21/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Ông P phải nộp thêm số tiền là: 8.514.285 đồng (*Tám triệu năm trăm mười bốn nghìn hai trăm tám lăm đồng*).

- Bà Đặng Thị H phải chịu 20.814.285 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004167 ngày 12/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0011602 ngày 21/9/2020

của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bà H phải nộp thêm số tiền là: 8.514.285 đồng (*Tám triệu năm trăm mười bốn nghìn hai trăm tám lăm đồng*).

Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ II);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông